

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2018/HNGĐ-ST**.
Ngày: 10/4/2018.

“V/v : Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lắm.
2. Bà Huỳnh Thị Yến.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2017/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A L, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 2 - Thôn 3 – xã B – huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đắc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 2 -Thôn 3 – xã B – huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên toà hôm nay của nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị A L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A L và anh Nguyễn Đắc T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh T không quan tâm đến chị L, thường xuyên đi chơi đến khuya mới về

nhà; mỗi lần chị L nhắc nhở thì anh T đánh đập chị L. Anh T còn thường dùng những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị L. Hiện nay, chị L không còn tình cảm với anh T và nhận cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh T có một người con chung tên là Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 29/8/2012. Hiện nay con chung Đg sống với chị L. Chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng người con này cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên toà hôm nay của bị đơn – Anh Nguyễn Đắc T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A L và anh Nguyễn Đắc T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, chị L không còn mong muốn tiếp tục chung sống với anh T nữa; thế nhưng anh T vẫn còn tình cảm với chị L và đã nhiều lần cố gắng vận động chị L quay về chung sống lại, nhưng chị L vẫn không đồng ý. Từ tháng 9/2017 chị L và anh T đã sống ly thân với nhau. Thời gian này anh T nhiều lần gặp để động viên chị L nhưng chị L vẫn không về chung sống lại với anh T. Anh T vẫn còn yêu thương chị L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh T có một người con chung tên là Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 29/8/2012. Hiện nay con chung đang sống với chị L. Anh T chấp nhận giao con chung cho chị L được quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau:

+ 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2011, ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T.

+ 01 Trích lục khai sinh (bản sao) số 119/TLKS-BS, ngày 10/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, mang tên Nguyễn Linh Đ.

Ngoài ra, vào ngày 14/3/2018, Tòa án đã tiến xác minh tại địa phương xã B về tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh T, chị L.

- *Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T vào năm 2011. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng từ tháng 9/2017 cho đến nay.

Về con chung: Chị L và anh T có một người con chung tên là Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 29/8/2012.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án phân xử.

- *Những vấn đề các đương sự không thống nhất:*

Về việc ly hôn: Các đương sự không thống nhất ly hôn. Cụ thể: Chị L cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị L không muốn tiếp tục chung sống với anh T nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; còn anh T cho rằng hiện nay anh T còn yêu thương chị L và mong muốn được tiếp tục chung sống với chị L nên không đồng ý ly hôn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:*

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 58 BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 20015.

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị A L được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 29/8/2012 cho chị L được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L.

Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về quan hệ pháp luật pháp luật trong vụ án:

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị A L và anh Nguyễn Đắc T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì bắt đầu mâu thuẫn. Chị L cho rằng do trong cuộc sống anh T không dành thời gian quan tâm, chăm sóc chị L. Anh T thường đi chơi đánh bạc vào mỗi buổi tối. Chị L đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vì lý do này nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh T có đánh chị L và dùng những lời lẽ xúc phạm đến danh dự của chị L. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Mặc dù, anh T đã nhiều lần vận động, khuyên răn chị L quay về chung sống lại với nhau nhưng chị L vẫn không chấp nhận. Vì còn tình cảm với chị L nên anh T rất mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống đoàn tụ nên anh T không đồng ý ly hôn. Anh T thừa nhận trong thời gian sống ly thân, anh T vẫn quan tâm đến chị L; nhưng chị L không còn quan tâm, chăm sóc gì đến anh T nữa.

Xét thấy: Anh T vẫn còn tình cảm và không mong muốn ly hôn với chị L; thế nhưng, tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh T đã cố gắng động viên, thuyết phục để chị L quay về sống lại với anh T nhưng chị L vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị L không còn quan tâm, chăm sóc gì đến anh T. Tại phiên tòa, chị L thừa nhận không còn tình cảm gì và không mong muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa. Điều đó cho thấy vợ chồng chị L, anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử cho chị Nguyễn Thị A L được ly hôn với anh Nguyễn Đắc T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung:

Chị L và anh T có một người con chung tên Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 29/8/2012. Hiện nay, chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Linh Đ. Tại phiên tòa, chị L có nguyện vọng được nuôi con và anh T đồng ý giao cháu Nguyễn Linh Đ cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy: Sự thỏa thuận của chị L và anh T liên quan đến vấn đề con chung là hoàn toàn tự nguyện và không trái đạo đức, pháp luật. Cho nên cần công nhận sự thỏa

thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 246 BLTTDS và các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về cấp dưỡng tiền nuôi con*: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T và chị L không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về án phí*: Cần buộc chị Nguyễn Thị A L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà Nước là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 273, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56 các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

T xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị A L được ly hôn với anh Nguyễn Đắc T.

2. *Về con chung*:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị A L và anh Nguyễn Đắc T như sau:

Tiếp tục giao cho chị L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 29/8/2012 cho đến khi thành niên.

- Anh Nguyễn Đắc T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nguyễn Thị A L nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; chị L không được quyền ngăn trở.

3. *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị A L phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là: 300.000đồng mà chị L đã nộp theo biên lai số N.0012334 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Nguyễn Thị A L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày T

án (Ngày 10/4/2018), đề Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án;
- UBND xã B (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến